

 Trần Quốc Thắng

DANH MỤC HÀNG HÓA GỬI RA CÔNG TRÌNH BIỂN
СПИСОК ГРУЗОВ ДЛЯ ОТПРАВКИ НА МОРСКИЕ ОБЪЕКТЫ (№ 384/2020)

Tàu dịch vụ / ТБС: VUNGTAU-02

Bắt đầu xếp hàng / Начало погрузки: 14:00 07/10/2020

Thời gian tàu rời bến / Отход в море: 22:00 07/10/2020

P/P	Tên công trình biển Наименов. Объектов	Hàng hóa được gửi Отправленный груз		SL đặt hàng Кол-во заявлени.		Cho dự án Lô Для Блока	Đơn vị gửi Заказчик
		№	Tên vật tư, hàng hóa Наименование груза	Kiện Место	Tấn тонн		
1	TamĐao-03	1	<u>Sản phẩm 2ref(2овои.10"+1сух.10") (3.05x2.45)m</u>	3 CONT	15.0 T	09-3.12	Petrosetco
		2	ЗИП Масла с ПОСОМ (1.80x1.80)m	4 CONT	8.0 T	-/-	ПБиКРС
2	СТС-01	1	Ёмкость для химреаг (PARA20705A -2.197 kg/tank). (1.4x1.4x2.0m) №: VSP-СТ	4 ёмк	12.0 T	09-3.12	ПДНГ
		2	<u>Sản phẩm 1ref(1овои.10") (3.05x2.45)m - СТС-1, RC-3 gửi đi chung 1 container mát!</u>	1 CONT	5.0 T	-/-	Getraco
3	RP-3	1	<u>Уголок и швеллер 12м (12.00x1.00)m</u>	1 пак	1.0 T	09-1	Ba Son
		2	ЗИП (1.5x1.5x1.2)m	1 CONT	1.0 T	-/-	-/-
		3	<u>Sản phẩm 3ref(2овои.10"+2сух.10")</u>	5 CONT	25.0 T	-/-	Petrosetco
		4	Пустой кон-р для мусора (1.50x1.00)m	1 шт	1.0 T	-/-	ПДНГ
		5	К/А 80/40 (1.50x1.00)m	12 шт	12.0 T	-/-	-/-
		6	ЗИП 8ft КТ 137 (2.50x2.50)m	1 CONT	4.0 T	-/-	-/-
		7	XL-01 - Thùng Hàng (1.20x1.00)m	1 CONT	1.5 T	-/-	ПСОРОНГД
		8	XL-01 - Bó dầm (12.00x1.00)m	1 пак	1.5 T	-/-	-/-
4	RP-2	1	<u>Sản phẩm 2ref(1овои.10"+1сух10")</u>	3 CONT	15.0 T	09-1	Getraco
		2	ЗИП 8ft КТ 177 (2.50x2.50)m	1 CONT	4.0 T	-/-	ПДНГ
		3	<u>Трубы 6тх1м (6.00x1.00)m</u>	1 пак	1.5 T	-/-	-/-
		4	Химреаг С ПОСОМ: TPS 609 (3Боч), TPC-1211 (2Боч), DMC-Demul (8Боч-hàng СТС-1), (1.80x1.80)m	2 CONT	4.0 T	-/-	-/-
		5	Пустой кон-р для мусора (1.50x1.00)m	1 шт	1.0 T	-/-	-/-
5	VSP-02	1	<u>Sản phẩm 2ref(1овои.10"+1сух.10")</u>	3 CONT	15.0 T	09-1	Petrosetco
		2	Пустой кон-р для мусора (1.50x1.00)m	2 шт	2.0 T	-/-	ПДНГ
		3	Пустой кон-р для вред.отходов (1.50x1.00)m	2 шт	2.0 T	-/-	-/-
		4	Химреаг С ПОСОМ: Scavtreat 5525 (20Боч), (1.80x1.80)m	3 CONT	6.0 T	-/-	-/-
		5	ЗИП 6ft КТ 344 (1.80x1.80)m	1 CONT	2.5 T	-/-	-/-
6	RC-1	1	XL-04-B-64 thùng hàng (2.60x1.60)m	1 CONT	2.1 T	09-1	ПСОРОНГД
		2	XL-04-B-05 thùng hàng (2.60x1.60)m	1 CONT	2.8 T	-/-	-/-
		3	XL-04-VSP6-237 thùng hàng (1.83x1.83)m	1 CONT	2.6 T	-/-	-/-
		4	XL-04-D-12 Rọ giàn giáo (6.00x0.80)m	1 кас	2.6 T	-/-	-/-
7	RC-3	1	<u>Sản phẩm - trả thực phẩm từ container chung với СТС-1!</u>			09-1	Getraco
		2	xl-05c115-2, máy nén khí (2.00x1.40)m	1 CONT	2.9 T	-/-	ПСОРОНГД
		3	XL-05-B17, Thùng dầu (1.30x1.30)m	1 CONT	2.5 T	-/-	-/-
Tổng cộng - Всего:				57	155.5 T		

Chuyên viên TTĐĐSX / Гл.специалист ЦПДС: 